

Số: 923 /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 19 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 ngày 6 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định

mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025.

Ủy nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, tỉnh Cao Bằng được giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là 258.795 triệu đồng.

Mặt khác, qua thời gian thực hiện, một số định mức giao cho các sở ngành, UBND các huyện, thành phố không thực hiện và giải ngân được; bên cạnh đó, hiện nay các Bộ, ngành trung ương đã có hướng dẫn bổ sung thực hiện các chương trình MTQG khác với các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn chương trình MTQG mà Tỉnh đã ban hành. Thường trực HĐND tỉnh cũng đã đồng ý cho UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) của HĐND tỉnh.

Để phân bổ số vốn được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung tại Quyết định số 147/QĐ-TTg và điều chỉnh vốn giữa các cơ quan, đơn vị phù hợp với các văn bản hướng dẫn mới ban hành của Trung ương và thực tế thực hiện tại các địa phương, cơ sở, cần thiết phải ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022.

II. CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

- Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thông báo số 89/TB-HĐND ngày 31 tháng 03 năm 2023 của HĐND tỉnh về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó thông báo danh mục Nghị quyết trình kỳ họp thứ 13 bao gồm dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành trung ương và đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều chỉnh, bổ sung tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là **4.959.596** triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương là **4.706.217** triệu đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi là: **2.679.114 triệu đồng**, gồm:

- Bổ sung vốn cho Dự án 3, Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cho huyện Nguyên Bình là 5.606 triệu đồng, với số vốn sau bổ sung là 34.339 triệu đồng.

- Điều chỉnh Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 18.900 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

- Bổ sung vốn cho Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 19.261 triệu đồng phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện, tổng vốn sau bổ sung là 78.217 triệu đồng.

b) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: **1.631.743 triệu đồng**, các nội dung điều chỉnh, bổ sung gồm:

- Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ thuộc nội dung Tiểu dự án 2, Dự án 1 là 171.488 triệu đồng.

- Điều chỉnh Dự án 4. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: giảm các huyện, thành phố 10.129 triệu đồng tăng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các huyện 62.440 triệu đồng, tổng vốn sau bổ sung là **395.360 triệu đồng**.

2. Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: **253.379 triệu đồng**, trong đó: Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (tăng do nguồn vốn NSTW tăng) là: 136.492 triệu đồng.

3. Bổ sung biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh với tổng số vốn là **183.648 triệu đồng**, trong đó: Ngân sách trung ương 179.604 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 4.044 triệu đồng.

4. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các phụ lục kèm theo; (2) Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc;
- VPUB: LĐVP, CV: TH, KT, VX;
- Lưu: VT, TH (TR).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2023

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục

tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là **4.959.596** triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương là **4.706.217** triệu đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi là **2.679.114** triệu đồng, gồm:

- Bổ sung vốn cho Dự án 3, Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cho huyện Nguyên Bình là 5.606 triệu đồng, với số vốn sau bổ sung là 34.339 triệu đồng.

- Điều chỉnh Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 18.900 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

- Bổ sung vốn cho Dự án 10, Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 19.261 triệu đồng phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện, tổng vốn sau bổ sung là 78.217 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

b) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: **1.631.743** triệu đồng, các nội dung điều chỉnh, bổ sung gồm:

- Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện hỗ trợ các huyện nghèo phân đầu thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ thuộc nội dung Tiêu dự án 2, Dự án 1 là 171.488 triệu đồng.

- Điều chỉnh Dự án 4. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: giảm các huyện, thành phố 10.129 triệu đồng tăng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

c) Bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các huyện 62.440 triệu đồng, tổng vốn sau bổ sung là **395.360** triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: **253.379 triệu đồng**, trong đó: Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (tăng do nguồn vốn NSTW tăng) là: 136.492 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

3. Bổ sung biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh với tổng số vốn là 183.648 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 179.604 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 4.044 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu 1 kèm theo).

4. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Căn cứ Nghị quyết này, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) thông qua ngày tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN NSTW CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Theo Quyết định số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022																				Đơn vị tính: Triệu đồng	Chỉ chú						
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương										Đối ứng NSDP	Tổng cộng	Điều chỉnh, bổ sung														
			Cộng vốn đầu tư (tr.đồng)	Ngân sách Trung ương											Đối ứng NSDP	Tổng cộng	Điều chỉnh, bổ sung												
				Trong đó													Trong đó												
		Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 9	Dự án 10			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 9	Dự án 10										
A	Tổng cộng toàn tỉnh	2.759.437	2.654.247	194.657	152.100	28.733	1.875.471	191.999	63.073	89.258	58.956	105.190	2.815.606	2.679.114	194.657	152.100	34.339	1.875.471	191.999	63.073	89.258	78.217	136.492						
	Sở, ban, ngành tỉnh	74.420	70.876	-	-	-	-	28.800	12.600	-	29.476	3.544	93.820	89.776	-	-	-	-	28.800	31.500	-	29.476	4.044	-					
1	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	12.600	12.600	-	-	-	-	-	12.600	-	-		32.000	31.500	-	-	-	-	-	31.500	-	-	500	-					
2	Sở Thông tin và Truyền thông	26.528	26.528	-	-	-	-	-	-	-	26.528		26.528	26.528	-	-	-	-	-	-	-	26.528		-					
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	2.948	2.948	-	-	-	-	-	-	-	2.948		2.948	2.948	-	-	-	-	-	-	-	2.948		-					
4	Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng tỉnh	32.344	28.800					28.800				3.544	32.344	28.800					28.800				3.544						
B	Cấp huyện	2.685.017	2.583.371	194.657	152.100	28.733	1.875.471	163.199	50.473	89.258	29.480	101.646	2.721.786	2.589.338	194.657	152.100	34.339	1.875.471	163.199	31.573	89.258	48.741	132.448	-					
1	Bảo Lâm	327.836	315.425	15.000	47.610		184.405	21.600	4.069	39.670	3.071	12.411	332.100	315.907	15.000	47.610		184.405	21.600	2.545	39.670	5.077	16.193						
2	Bảo Lạc	377.336	363.051	19.423	31.400		215.367	38.399	5.321	49.588	3.553	14.285	381.417	363.380	19.423	31.400		215.367	38.399	3.329	49.588	5.874	18.037						
3	Nguyễn Bình	332.308	319.728	26.434	-	28.733	226.658	28.800	5.321	-	3.782	12.580	342.405	325.812	26.434	-	34.339	226.658	28.800	3.328	-	6.253	16.593						
4	Hà Quảng	322.894	310.671	18.448	6.540		253.681	21.600	6.573	-	3.829	12.223	326.923	310.712	18.448	6.540		253.681	21.600	4.112	-	6.331	16.211						
5	Hòa An	263.936	253.944	32.112	23.800		176.320	14.400	4.695	-	2.617	9.992	266.037	253.896	32.112	23.800		176.320	14.400	2.937	-	4.327	12.141						
6	Trùng Khánh	280.642	270.018	17.000	-		230.856	12.000	6.573	-	3.589	10.624	284.098	269.902	17.000	-		230.856	12.000	4.112	-	5.934	14.196						
7	Hạ Lang	219.206	210.908	12.750	-		184.040	7.200	4.069	-	2.849	8.298	222.206	211.246	12.750	-		184.040	7.200	2.545	-	4.711	10.960						
8	Quảng Hòa	305.243	293.687	30.147	23.750		220.894	9.600	5.947	-	3.349	11.556	308.480	293.648	30.147	23.750		220.894	9.600	3.720	-	5.537	14.832						
9	Thạch An	241.561	232.416	17.343	19.000		179.250	9.600	4.382	-	2.841	9.145	245.042	232.631	17.343	19.000		179.250	9.600	2.741	-	4.697	12.411						
10	TP. Cao Bằng	14.055	13.523	6.000	-		4.000	-	3.523	-	-	532	13.078	12.204	6.000	-		4.000	-	2.204	-	-	874						

Phụ lục 2

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện	Vốn NSTW đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022						Kế hoạch vốn NSTW sau điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Tổng cộng	Dự án 1		Dự án 4			Tổng cộng	Dự án 1			Dự án 4			
			Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3		Cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3	
1	Bảo Lâm	208.694	207.235		1.459		1.459	207.235	207.235	207.235		0			
2	Bảo Lạc	183.834	182.723		1.111		1.111	182.723	182.723	182.723		0			
3	Hạ Lang	183.407	182.723		684		684	182.723	182.723	182.723		0			
4	Hà Quảng	208.514	207.237	0	1.277		1.277	293.507	293.507	207.237	86.270	0			
5	Thạch An	183.407	182.723		684		684	182.723	182.723	182.723		0			
6	Nguyên Bình	203.577	202.779		798		798	202.779	202.779	202.779		0			
7	Trùng Khánh	206.375	205.007	0	1.368		1.368	290.225	290.225	205.007	85.218	0			
8	Quảng Hòa	1.277			1.277		1.277	0				0			
9	Hòa An	741			741		741	0				0			
10	Thành phố Cao Bằng	730			730		730	0				0			
11	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội	2.193			2.193		2.193	12.322				12.322		12.322	
12	Trường trung cấp nghề	77.506			77.506	77.506		77.506				77.506	77.506		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo														
14	Sở Y Tế														
Tổng cộng		1.460.255	1.370.427	0	89.828	77.506	12.322	1.631.743	1.541.915	1.370.427	171.488	89.828	77.506	12.322	

Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, 15/7/2022	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch NSTW sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
	Cộng		332.920,0	-	62.440,0	395.360,0	
I	Huyện Quảng Hòa		70.285,0	-	2.170,0	72.455,0	
A	Đầu tư cấp huyện		40.000,0			40.000,0	
B	Đầu tư cấp xã		30.285,0	-	2.170,0	32.455,0	
1	Đại Sơn	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
2	Quảng Hưng	16	1.053,0			1.053,0	
3	Phúc Sen	17	1.053,0			1.053,0	
4	Độc Lập	15	7.053,0		1.630,0	8.683,0	
5	Mỹ Hưng	15	1.053,0			1.053,0	
6	Bế Văn Đàn	15	1.053,0			1.053,0	
7	Quốc Toàn	12	1.620,0			1.620,0	
8	Cách Linh	14	1.620,0			1.620,0	
9	Ngọc Động	14	1.620,0			1.620,0	
10	Chí Thảo	11	1.620,0			1.620,0	
11	Hạnh Phúc	11	1.620,0			1.620,0	
12	Hồng Quang	11	1.620,0			1.620,0	
13	Tiên Thành	13	1.620,0			1.620,0	
14	Tự Do	13	1.620,0			1.620,0	
15	Phi Hải	10	1.620,0			1.620,0	
16	Cai Bộ	10	1.620,0			1.620,0	
II	Huyện Hòa An		65.713,0	-	1.620,0	67.333,0	
A	Đầu tư cấp huyện		40.000,0			40.000,0	
B	Đầu tư cấp xã		25.713,0	-	1.620,0	27.333,0	
1	Nam Tuấn	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
2	Hoàng Tung	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
3	Đức Long	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
4	Hồng Việt	17	1.053,0			1.053,0	
5	Dân Chủ	9	1.620,0			1.620,0	
6	Bạch Đằng	9	1.620,0			1.620,0	
7	Nguyễn Huệ	9	1.620,0			1.620,0	
8	Đại Tiến	8	1.620,0			1.620,0	
9	Bình Dương	9	1.620,0			1.620,0	
10	Hồng Nam	8	1.620,0			1.620,0	
11	Lê Chung	9	1.620,0			1.620,0	
12	Quang Trung	7	1.620,0			1.620,0	
13	Ngũ Lão	8	1.620,0			1.620,0	
14	Trương Lương	7	1.620,0			1.620,0	
III	Huyện Bảo Lạc		27.150,0	-	540,0	27.690,0	
1	Huy Giáp	19	2.850,0		540,0	3.390,0	
2	Cốc Pàng	12	1.620,0			1.620,0	
3	Bảo Toàn	10	1.620,0			1.620,0	
4	Đình Phùng	11	1.620,0			1.620,0	
5	Kim Cúc	9	1.620,0			1.620,0	

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, 15/7/2022	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch NSTW sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
6	Thượng Hà	7	1.620,0			1.620,0	
7	Khánh Xuân	7	1.620,0			1.620,0	
8	Phan Thanh	9	1.620,0			1.620,0	
9	Sơn Lộ	9	1.620,0			1.620,0	
10	Sơn Lập	8	1.620,0			1.620,0	
11	Cô Ba	13	1.620,0			1.620,0	
12	Xuân Trường	8	1.620,0			1.620,0	
13	Hồng An	10	1.620,0			1.620,0	
14	Hồng Trị	9	1.620,0			1.620,0	
15	Hung Đạo	8	1.620,0			1.620,0	
16	Hung Thịnh	9	1.620,0			1.620,0	
IV	Huyện Bảo Lâm		19.440,0	-	25.000,0	44.440,0	
1	Lý Bôn	11	1.620,0		8.340,0	9.960,0	
2	Quảng Lâm	10	1.620,0		8.330,0	9.950,0	
3	Đức Hạnh	9	1.620,0			1.620,0	
4	Vĩnh Quang	10	1.620,0			1.620,0	
5	Vĩnh Phong	11	1.620,0			1.620,0	
6	Mông Ân	9	1.620,0			1.620,0	
7	Nam Quang	11	1.620,0			1.620,0	
8	Nam Cao	8	1.620,0			1.620,0	
9	Thạch Lâm	9	1.620,0			1.620,0	
10	Thái Học	12	1.620,0			1.620,0	
11	Thái Sơn	10	1.620,0			1.620,0	
12	Yên Thổ	14	1.620,0		8.330,0	9.950,0	
V	Huyện Hạ Lang		20.670,0	-	540,0	21.210,0	
1	Thị Hoa	19	2.850,0		540,0	3.390,0	
2	Lý Quốc	12	1.620,0			1.620,0	
3	Cô Ngân	11	1.620,0			1.620,0	
4	Mình Long	9	1.620,0			1.620,0	
5	Đồng Loan	10	1.620,0			1.620,0	
6	Quang Long	8	1.620,0			1.620,0	
7	Đức Quang	9	1.620,0			1.620,0	
8	Vinh Quý	10	1.620,0			1.620,0	
9	Thống Nhất	7	1.620,0			1.620,0	
10	Thắng Lợi	8	1.620,0			1.620,0	
11	Kim Loan	10	1.620,0			1.620,0	
12	An Lạc	9	1.620,0			1.620,0	
VI	Huyện Hà Quảng		35.253,0	-	1.620,0	36.873,0	
1	Ngọc Đào	19	4.260,0		540,0	4.800,0	
2	Sóc Hà	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
3	Lương Can	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
4	Trường Hà	17	1.053,0			1.053,0	
5	Quý Quân	10	1.620,0			1.620,0	
6	Đa Thông	12	1.620,0			1.620,0	
7	Cần Yên	12	1.620,0			1.620,0	
8	Mã Ba	9	1.620,0			1.620,0	
9	Hồng Sỹ	10	1.620,0			1.620,0	
10	Lũng Nặm	11	1.620,0			1.620,0	
11	Cải Viên	11	1.620,0			1.620,0	

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, 15/7/2022	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch NSTW sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
12	Thượng Thôn	10	1.620,0			1.620,0	
13	Tổng Cột	11	1.620,0			1.620,0	
14	Nội Thôn	12	1.620,0			1.620,0	
15	Quý Quân	10	1.620,0			1.620,0	
16	Thanh Long	11	1.620,0			1.620,0	
17	Yên Sơn	9	1.620,0			1.620,0	
18	Ngọc Động	10	1.620,0			1.620,0	
19	Lương Thông	9	1.620,0			1.620,0	
VII	Huyện Nguyên Bình		23.810,0	-	25.000,0	48.810,0	
1	Tam Kim	16	1.130,0		3.260,0	4.390,0	
2	Minh Tâm	14	1.620,0		5.435,0	7.055,0	
3	Vũ Minh	13	1.620,0		5.435,0	7.055,0	
4	Hoa Thám	9	1.620,0		5.435,0	7.055,0	
5	Thịnh Vượng	8	1.620,0			1.620,0	
6	Hưng Đạo	8	1.620,0			1.620,0	
7	Quang Thành	9	1.620,0			1.620,0	
8	Thê Dục	8	1.620,0		5.435,0	7.055,0	
9	Triệu Nguyên	7	1.620,0			1.620,0	
10	Vũ Nông	8	1.620,0			1.620,0	
11	Ca Thành	9	1.620,0			1.620,0	
12	Yên Lạc	9	1.620,0			1.620,0	
13	Phan Thanh	9	1.620,0			1.620,0	
14	Mai Long	7	1.620,0			1.620,0	
15	Thành Công	9	1.620,0			1.620,0	
VIII	Huyện Thạch An		22.893,0	-	1.080,0	23.973,0	
1	Lê Lai	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
2	Đức Long	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
3	Lê Lợi	12	1.620,0			1.620,0	
4	Thụy Hùng	10	1.620,0			1.620,0	
5	Vân Trình	10	1.620,0			1.620,0	
6	Trọng Con	10	1.620,0			1.620,0	
7	Thái Cường	11	1.620,0			1.620,0	
8	Kim Đồng	11	1.620,0			1.620,0	
9	Đức Thông	10	1.620,0			1.620,0	
10	Canh Tân	10	1.620,0			1.620,0	
11	Minh Khai	9	1.620,0			1.620,0	
12	Quang Trọng	10	1.620,0			1.620,0	
13	Đức Xuân	16	1.053,0			1.053,0	
IX	Huyện Trùng Khánh		39.246,0	-	3.250,0	42.496,0	
1	Ngọc Côn	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
2	Phong Châu	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
3	Cao Chương	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
4	Đàm Thủy	18	7.053,0		1.630,0	8.683,0	
5	Quang Hán	15	1.053,0			1.053,0	
6	Chí Viễn	11	1.620,0			1.620,0	
7	Đình Phong	12	1.620,0			1.620,0	
8	Ngọc Khê	10	1.620,0			1.620,0	
9	Phong Nậm	12	1.620,0			1.620,0	
10	Khâm Thành	12	1.620,0			1.620,0	

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, 15/7/2022	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch NSTW sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
11	Lãng Hiếu	11	1.620,0			1.620,0	
12	Trung Phúc	11	1.620,0			1.620,0	
13	Đoài Dương	10	1.620,0			1.620,0	
14	Cao Thăng	9	1.620,0			1.620,0	
15	Đức Hồng	11	1.620,0			1.620,0	
16	Quang Trung	14	1.620,0			1.620,0	
17	Tri Phương	12	1.620,0			1.620,0	
18	Xuân Nội	12	1.620,0			1.620,0	
19	Quang Vinh	11	1.620,0			1.620,0	
X	Thành phố Cao Bằng		8.460,0	-	1.620,0	10.080,0	
1	Vĩnh Quang	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
2	Chu Trinh	19	2.820,0		540,0	3.360,0	
3	Hưng Đạo	19	2.820,0		540,0	3.360,0	

Phụ biểu 1
BIỂU CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 GIAO CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025					Ghi chú	
					Quyết định đầu tư (Số, ngày/tháng/năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP			Huy động khác và nhân dân
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG CỘNG						183.648	179.604	4.044			183.648	179.604	4.044			
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI					93.820	89.776	4.044			93.820	89.776	4.044			
I	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch					32.000	31.500	500			32.000	31.500	500			
1	(10) - Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					2.000	2.000				2.000	2.000				
-	Đầu tư xây dựng 13 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số					2.000	2.000				2.000	2.000				
*	Dự án chuyển tiếp															
1.1	Dự án: Đầu tư điểm tham quan du lịch nhà sàn 9 gian, xóm Tục Ngã, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2023	270/QĐ-SVHTTDL ngày 19/9/2022	1.000	1.000				1.000	1.000				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023															
1.2	Dự án: Đầu tư điểm tham quan du lịch điểm xóm Năm Ngựa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2023-2024		1.000	1.000				1.000	1.000				
2	(15) - Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số					12.000	12.000				12.000	12.000				
*	Dự án chuyển tiếp															
2.1	Dự án: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống dân tộc Tây Bắc Quảng, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2024	1912/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022	6.000	6.000				6.000	6.000				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023															
2.2	Dự án: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tại xóm Trạng Nguyên xã Đồng Loạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	xã Đồng Loạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2023-2025		6.000	6.000				6.000	6.000				
3	(17) - Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số					18.000	17.500	500			18.000	17.500	500			
-	Trùng tu tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt tiêu biểu, di tích quốc gia tiêu biểu					9.000	8.500	500			9.000	8.500	500			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023															
3.1	Dự án: Trùng tu tôn tạo nhà sàn, điểm di tích Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Trùng tu tôn tạo	2023-2024		3.000	3.000				3.000	3.000				
3.2	Dự án: Trùng tu tôn tạo Gác chuông bảo quản Bảo vật quốc gia Đối chuông chùa Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Trùng tu tôn tạo	2023-2025		6.000	6.000				6.000	6.000				
II	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh					32.344	28.800	3.544			32.344	28.800	3.544			
*	Dự án chuyển tiếp					24.900	24.900				24.900	24.900				
1	Trường PT Dân tộc nội trú huyện Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang	Xây mới nhà nội trú học sinh 15 phòng	2022-2024	1639/QĐ-SXD ngày 29/8/2022	5.000	5.000				5.000	5.000				
2	Trường PT Dân tộc nội trú Bảo Lâm, huyện Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miếu, huyện Bảo Lâm	Xây mới nhà công vụ 12 phòng	2022-2024	1640/QĐ-SXD ngày 29/8/2022	5.500	5.500				5.500	5.500				
3	Trường PTDT Nội trú huyện Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình	Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà bảo vệ; cải tạo nhà nội trú	2022-2024	1649/QĐ-SXD ngày 30/8/2022	6.900	6.900				6.900	6.900				
4	Trường PTDT Nội trú THCS Phục Hòa, huyện Quảng Hòa	Thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa	Xây mới nhà lớp học bộ môn; cải tạo 02 lớp học	2022-2024	1650/QĐ-SXD ngày 30/8/2022	7.500	7.500				7.500	7.500				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023					7.444	3.900	3.544			7.444	3.900	3.544			
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	Thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	Cải tạo nhà lớp học	2023-2025		2.900	2.900				2.900	2.900				
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hòa An	Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An	Xây mới nhà lớp học bộ môn; cải tạo nhà ký túc xá	2023-2025		4.544	1.000	3.544			4.544	1.000	3.544			
III	Liên minh hợp tác xã tỉnh					2.948	2.948				2.948	2.948				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025					Ghi chú	
					Quyết định đầu tư (Số, ngày/tháng/năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP			Huy động khác và nhân dân
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
a	Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi															
1	Xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến	Toàn tỉnh		2022-2024		2.948	2.948				2.948	2.948				
IV	Sở Thông tin và Truyền thông					26.528	26.528				26.528	26.528				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023															
1	Dự án ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và bảo đảm ANTT vùng đồng bào DTTS và MN					26.528	26.528				26.528	26.528				
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG					89.828	89.828				89.828	89.828				
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					89.828	89.828				89.828	89.828				
I.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					77.506	77.506				77.506	77.506				
*	Dự án chuyển tiếp															
1	Nâng cấp, xây dựng môi trường Trung cấp nghề, tỉnh Cao Bằng	Trụ sở chính: Tổ 1 phường Sóng Hiến và cơ sở 2: Thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An	Theo QĐ phê duyệt	2022-2025	Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	77.506	77.506				77.506	77.506				
I.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					2.193	2.193				2.193	2.193				
*	Dự án chuyển tiếp															
1	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động.	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2022-2024	Quyết định số 1916/QĐ-UBND; 23/12/2022	2.193	2.193				2.193	2.193				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư 2023					10.129	10.129				10.129	10.129				
2	Đầu tư xây dựng sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động (Giai đoạn 2)	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Theo QĐ phê duyệt	2023-2025		10.129	10.129				10.129	10.129				

BÁO CÁO

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết 28/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 688/UBND-TH, ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng V/v giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình bổ sung tại kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) của HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026; Trong đó giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Nghị quyết: “*Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng Nghị quyết.

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan soạn thảo) đã gửi Dự thảo Nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Đến hết ngày 16 tháng 4 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được 22 ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết như biểu chi tiết đính kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TP;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT - KTN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Ba

BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP



tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết 28/NQ-HĐND, ngày 17/2/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Theo Báo cáo số 1193 /BC-SKHĐT, ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng)

STT	Cơ quan thẩm định	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Sở Tư Pháp (Công văn số 568/STP-XDVB&PBGDPL, ngày 12/4/2023)		
1.1	Đối với dự thảo Nghị quyết	Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm 1.2 khoản 1 Điều 1 để thống nhất trong dự thảo, cơ quan soạn thảo cần bổ sung số vốn điều chỉnh tăng cho Sở Lao động -Thương binh và Xã hội để thực hiện Dự án 4. Tiểu dự án 3	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
1.2	Căn cứ pháp lý	Tại căn cứ pháp lý thứ 10, dự thảo cần trình bày các căn cứ thành 01 dòng riêng	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
2	Liên minh hợp tác xã tỉnh Cao Bằng (Công văn số 97/CV-LMHTX, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
3	Sở Tài Chính (Công văn số 785/STC-TCĐT, ngày 11/4/2023)		

3.1	Tên nghị quyết	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại tên Nghị quyết tại dự thảo như sau: “ <i>Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</i> ”	Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ xem xét điều chỉnh tên Nghị quyết cho phù hợp
3.2	Tên các phụ lục	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại tên các phụ lục điều chỉnh, bổ sung các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đồng nhất và chính xác tên nguồn vốn điều chỉnh, như sau: “ <i>Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MQTG...</i> ”	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu điều chỉnh lại Nghị quyết
3.3	Dự thảo Nghị quyết	<p>Về số liệu nguồn vốn Ngân sách Trung ương giao cho Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số vốn đã phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh là 2.654.247 triệu đồng. - Số vốn được giao bổ sung tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ là 24.867 triệu đồng. - Tổng số vốn sau điều chỉnh, bổ sung là 2.679.114 triệu đồng. Tại dự thảo Nghị quyết, tổng số vốn sau điều chỉnh, bổ sung của Chương trình là 2.679.115 triệu đồng (vượt 1 triệu đồng so với Kế hoạch được Thủ tướng chính phủ giao). <p>Vi vậy, đề nghị Sở Kế hoạch & Đầu tư phối hợp với cơ quan chủ trì chương trình và các đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh lại số liệu của Phụ lục 1, đồng thời chỉnh sửa mục 1.1, Điều 1 phần lời dự thảo Nghị quyết để đảm bảo chính xác khi thực hiện.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu rà soát, điều chỉnh lại Nghị quyết

		<p>- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:</p> <p>+ Tại Phụ lục 1, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh, số liệu nguồn Ngân sách tỉnh đối ứng cho chương trình là 105.190 triệu đồng, trong đó cấp tỉnh bố trí 3.544 triệu đồng đối ứng cho các dự án của Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh.</p> <p>+ Tại Biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 giao cho các Sở, Ban, ngành của tỉnh đang dự thảo, bố trí đối ứng ngân sách tỉnh số tiền 500 triệu đồng cho dự án Trùng tu tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt tiêu biểu, di tích quốc gia tiêu biểu do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư. Số vốn đối ứng này không nằm trong tổng số vốn đối ứng đã giao tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh. Vì vậy, trường hợp điều chỉnh tăng kế hoạch vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để đối ứng cho Chương trình, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung phụ biểu điều chỉnh và bổ sung nội dung điều chỉnh tại phần lời dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung Nghị quyết và rà soát các nguồn vốn đối ứng CTMQG</p>
		<p>- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:</p> <p>Tại Phụ lục 2, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh, số liệu nguồn Ngân sách tỉnh đối ứng cho chương trình (dự án 5 xóa nhà tạm, nhà dột nát) là 93.416 triệu đồng. Tuy nhiên, dự án 5 hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững sử dụng vốn sự nghiệp. Vì vậy, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét lại sự phù hợp việc bố trí đối ứng vốn đầu tư phát triển để thực hiện dự án 5 tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh đảm bảo đúng quy định.</p>	<p>Tại phần ghi chú tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, có ghi chú rõ đối ứng dự án 5 xóa nhà dột nát</p>

3.4	Vốn đối ứng NSDP	<p>- Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cân đối nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 bố trí đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tổng vốn đối ứng không thấp hơn tỷ lệ tối thiểu theo quy định của từng chương trình. Đồng thời đảm bảo đảm bảo số vốn đầu tư bố trí đối ứng cho các chương trình mục tiêu quốc gia nằm trong tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 (Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương phân bổ đối ứng cho các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là 216.319, 322 đồng)</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu rà soát tính toán lại nguồn vốn đối ứng CTMQG cho phù hợp.
4	Sở LĐ-TB&XH (Công văn số 507/SLĐTBXH-TBXH, ngày 10/4/2023)		
4.1	Đối với dự thảo Tờ trình	<p>Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 1.2 phần III dự thảo Tờ trình và gạch đầu dòng thứ nhất điểm 1.2 khoản 1 Điều 1 dự thảo có nêu: "Bổ sung chi tiết vốn Dự án 1, tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội các huyện phần thoát nghèo 171.488 triệu đồng" đề nghị sửa thành: "Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện hỗ trợ các huyện nghèo phân đầu thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ thuộc nội dung Tiêu dự án 2, Dự án 1: 171.488 triệu đồng". Lý do: Nghị quyết không phân bổ chi tiết đến từng dự án, sửa đổi nội dung tên dự án để phù hợp với nội dung giao tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
4.2	Đối với dự thảo Nghị quyết	<p>Tại Phụ biểu 1, phần B đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi địa điểm đầu tư, thời gian khởi công hoàn thành và Quyết định đầu tư đối với 02 dự án (chi tiết theo Phụ biểu 1 kèm theo)</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

		Tại Phụ lục 2, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụ thể điều chỉnh tăng, giảm tại các tiêu dự án, dự án nào	Tại phần biểu tổng không thể thiết kế được tăng giảm cụ thể của các dự án tiêu dự án; Phần tăng giảm từng dự án, tiêu dự án đã được thuyết minh tại phần lời tại của Nghị quyết.
5	Sở Ngoại vụ (Công văn số 517/SNV-VP, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
6	Sở Xây dựng (Công văn số 652/SXD-QLXD, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
7	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng (Công văn số 256/BQLDA-KHĐT, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
8	Ngân hàng nhà nước tỉnh Cao Bằng (Công văn số 246/CAB-TH, ngày 11/4/2023)	Đề nghị rà soát lại lỗi chính tả trong dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
9	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng (Công văn số 509/BQLKKT-KHTH, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	

10	Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 929/STNMT-KHTH, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 632/SGD&ĐT, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
12	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng (Công văn số 1953/MTTQ-BTT, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
13	Sở Y tế (Công văn số 1395/SYT-KHTC, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 862/SNN&PTNT, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
16	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng (Công văn số 1063/UBND-TCKH, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
17	Sở Thông tin và Truyền thông (Công văn số 451/STTT-VP, ngày 12/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	

18	UBND huyện Thạch An (Công văn số 555/UBND-TCKH, ngày 12/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
19	Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình (Công văn số 491/UBND-TCKH, ngày 11/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
20	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa (Công văn số 441/UBND-TCKH, ngày 17/3/2022)	Đối với số vốn điều chỉnh tăng cho dự án 10 thuộc chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến nay vẫn chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể, vốn huyện được giao năm 2023 cho dự án 10 đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện được. Kính đề nghị các sở, ban ngành quan tâm tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn để huyện triển khai dự án trên cũng như giải ngân tối đa nguồn vốn được giao.	Bổ sung vốn cho dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Đối với các nội dung còn vướng chưa triển khai được các sở, ban, ngành sẽ tiếp tục phối hợp tham mưu UBND tỉnh hoặc đề xuất các bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện
21	Ban dân tộc (Công văn số 450/BDT-CSĐT, ngày 13/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	
22	Công an tỉnh (Công văn số 1484/CAT-PA02, ngày 13/4/2023)	Nhất trí với dự thảo	